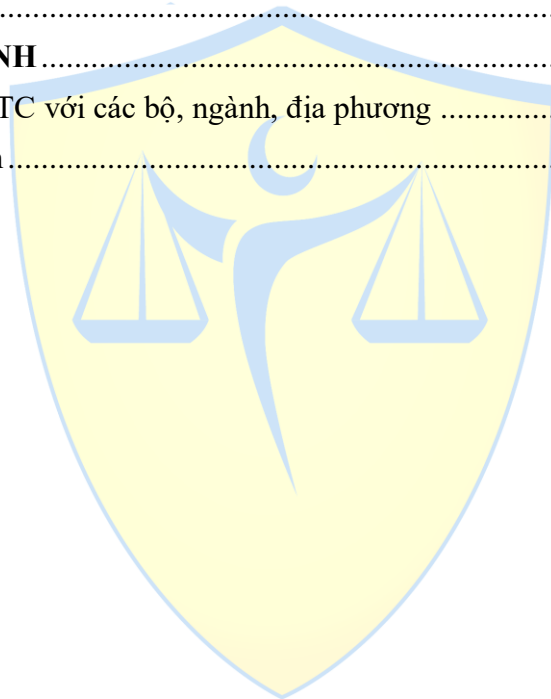


MỤC LỤC

Chương I	3
QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.....	3
Điều 2. Đối tượng áp dụng.....	3
Điều 3. Giải thích từ ngữ.....	3
Điều 4. Mô hình tổ chức, quản lý của DATC.....	4
Điều 5. Chức năng, nhiệm vụ của DATC.....	4
Điều 6. Ngành nghề kinh doanh của DATC.....	4
Điều 7. Nguyên tắc hoạt động.....	5
Điều 8. Chủ sở hữu nhà nước đối với DATC.....	5
Điều 9. Quyền của DATC.....	5
Điều 10. Nghĩa vụ của DATC.....	6
Chương II	7
HOẠT ĐỘNG CỦA DATC	7
Mục 1. TIẾP NHẬN NỢ VÀ TÀI SẢN	7
Điều 11. Tiếp nhận nợ và tài sản theo quy định của pháp luật về chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, đơn vị sự nghiệp công lập.....	7
Điều 12. Tiếp nhận nợ và tài sản theo chỉ định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.....	7
Mục 2. MUA NỢ VÀ TÀI SẢN	7
Điều 13. Mua nợ và tài sản.....	7
Điều 14. Hình thức mua nợ, tài sản.....	8
Điều 15. Nguyên tắc mua nợ và tài sản.....	8
Mục 3. XỬ LÝ NỢ MUA, TIẾP NHẬN	9
Điều 16. Hình thức xử lý nợ mua, tiếp nhận.....	9
Điều 17. Nội dung xử lý nợ mua, tiếp nhận.....	9
Mục 4. XỬ LÝ TÀI SẢN MUA, TIẾP NHẬN	11
Điều 18. Hình thức xử lý tài sản mua, tiếp nhận.....	11
Điều 19. Nguyên tắc xử lý tài sản mua, tiếp nhận.....	11
Mục 5. TÁI CƠ CẤU DOANH NGHIỆP	11
Điều 20. Đối tượng và điều kiện tái cơ cấu.....	11
Điều 21. Xử lý tài chính đối với doanh nghiệp tái cơ cấu.....	12
Điều 22. Các biện pháp khác để phục hồi doanh nghiệp tái cơ cấu.....	13
Điều 23. Xử lý thu hồi vốn hình thành từ hoạt động chuyển nợ thành vốn góp.....	13
Mục 6. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	14
Điều 24. Nguyên tắc đầu tư.....	14
Điều 25. Hình thức đầu tư.....	14
Chương III	15
TÀI CHÍNH CỦA DATC	15

Điều 27. Vốn hoạt động của DATC	15
Điều 28. Doanh thu, thu nhập khác và chi phí	15
Điều 29. Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận.....	16
Điều 30. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người lao động và người quản lý doanh nghiệp	16
Điều 31. Đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại doanh nghiệp và giám sát tài chính.....	16
Điều 32. Chế độ kế toán, kiểm toán; báo cáo thống kê, kế toán, tài chính và công khai tài chính	16
Chương IV	17
QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ SỞ HỮU	17
Điều 33. Quyền và trách nhiệm của Bộ Tài chính	17
Điều 34. Quyền và trách nhiệm của Hội đồng thành viên DATC	17
Chương V	17
TRÁCH NHIỆM THI HÀNH	17
Điều 35. Quan hệ của DATC với các bộ, ngành, địa phương	17
Điều 36. Hiệu lực thi hành	17



HUNG THANG LAW FIRM

Keep believe in

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 129/2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2020

NGHỊ ĐỊNH

VỀ CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN MUA BÁN NỢ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam (sau đây gọi là DATC hoặc Công ty).
2. Tổ chức, cá nhân liên quan đến tổ chức và hoạt động của DATC.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. “Chủ nợ” là tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế, cá nhân, chủ thể giao dịch dân sự khác có quyền đòi nợ.
2. “Bên nợ” là tổ chức kinh tế, cá nhân, chủ thể giao dịch dân sự khác có nghĩa vụ trả nợ được quy định tại hợp đồng hoặc phát sinh nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.
3. “Chủ tài sản” là các tổ chức, cá nhân có quyền sở hữu tài sản.
4. “Phương án mua nợ” là phương án do DATC xây dựng để mua một hoặc một số khoản nợ phải thu của một hoặc một số chủ nợ.
5. “Phương án mua tài sản” là phương án do DATC xây dựng để mua một hoặc một số tài sản của một hoặc một số chủ tài sản.

6. “Phương án tái cơ cấu doanh nghiệp thông qua hoạt động mua nợ” là phương án do DATC xây dựng để tái cơ cấu, phục hồi hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu nợ từ việc mua một hoặc một số khoản nợ phải trả của doanh nghiệp bên nợ.

7. “Giảm trừ nghĩa vụ trả nợ” là biện pháp xóa một phần trách nhiệm trả nợ cho bên nợ theo đúng quy định của pháp luật.

8. “Giá vốn mua nợ” là chi phí mua nợ, bao gồm: giá mua khoản nợ cộng (+) các khoản chi phí liên quan đến việc mua khoản nợ.

9. “Chuyển nợ thành vốn góp” là việc DATC sử dụng khoản nợ đã mua chuyển thành vốn góp tại doanh nghiệp và là một biện pháp xử lý, thu hồi nợ.

Điều 4. Mô hình tổ chức, quản lý của DATC

1. Mô hình tổ chức, quản lý, người đại diện theo pháp luật của DATC thực hiện theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của DATC.

2. DATC có tư cách pháp nhân, con dấu riêng và được mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng thương mại trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Chức năng, nhiệm vụ của DATC

1. Hỗ trợ tái cơ cấu, sắp xếp chuyên đổi sở hữu doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thông qua hoạt động tiếp nhận, mua, xử lý nợ và tài sản.

2. Mua, xử lý các khoản nợ và tài sản trên cơ sở đảm bảo các nguyên tắc sau:

a) Bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư tại DATC;

b) Ưu tiên tập trung nguồn lực của DATC để hỗ trợ tái cơ cấu, sắp xếp chuyên đổi sở hữu doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thông qua hoạt động tiếp nhận, mua, xử lý nợ và tài sản;

c) Tự chịu trách nhiệm về hiệu quả hoạt động mua, bán, xử lý nợ và tài sản theo cơ chế thị trường.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, cơ quan đại diện chủ sở hữu giao.

Điều 6. Ngành nghề kinh doanh của DATC

1. Ngành nghề kinh doanh chính

a) Tiếp nhận, xử lý nợ và tài sản:

- Tiếp nhận nợ và tài sản theo quy định của pháp luật về chuyên đổi sở hữu doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, bao gồm cả đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cổ phần hóa theo quy định của Chính phủ để xử lý theo quy định tại Nghị định này;

- Tiếp nhận theo chỉ định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ gồm: nợ phải thu và các tài sản (bao gồm cả các tài sản tồn đọng, các tài sản gắn với xử lý nợ theo quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ) để tiếp tục đầu tư khai thác hoặc xử lý, thu hồi vốn cho Nhà nước theo quy định tại Nghị định này.

b) Mua, xử lý nợ và tài sản, gồm:

- Quản lý, sử dụng chủ yếu nguồn lực tài chính của công ty để thực hiện mua, xử lý các khoản nợ và tài sản (bao gồm cả các dự án cần hỗ trợ xử lý nợ để tiếp tục đầu tư, khai thác) theo chỉ định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

- Mua, xử lý các khoản nợ và tài sản của các tổ chức, cá nhân không trùng lặp với mục tiêu, nhiệm vụ chính trị của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC).

c) Tái cơ cấu doanh nghiệp thông qua hoạt động mua, bán, xử lý nợ.

2. Ngành nghề hỗ trợ ngành nghề kinh doanh chính

- Quản lý, đầu tư, khai thác và xử lý đối với dự án bất động sản thuộc các trường hợp: là tài sản bảo đảm khoản nợ, tài sản nhận gán nợ và tài sản đã mua, tiếp nhận theo chỉ định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo đúng quy định của pháp luật;

- Tư vấn xử lý nợ, tài sản, mua, bán, sáp nhập, tái cơ cấu doanh nghiệp;

- Thực hiện các hoạt động thẩm định giá; dịch vụ quản lý nợ và thu nợ trên cơ sở đảm bảo đầy đủ các điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nguyên tắc hoạt động

1. Tự chủ, tự chịu trách nhiệm và bảo toàn, phát triển vốn nhà nước.

2. Công khai, minh bạch và tuân thủ các quy định của pháp luật.

3. Kiểm soát, hạn chế rủi ro trong quá trình hoạt động.

Điều 8. Chủ sở hữu nhà nước đối với DATC

1. Nhà nước là chủ sở hữu của DATC. Chính phủ thống nhất thực hiện quyền, nghĩa vụ chủ sở hữu nhà nước đối với DATC.

2. Bộ Tài chính thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước theo phân công, phân cấp của Chính phủ.

3. Hội đồng thành viên DATC thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với DATC theo quy định của pháp luật và Điều lệ của DATC.

Điều 9. Quyền của DATC

DATC thực hiện các quyền theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quyền sau:

1. Được các chủ nợ, chủ tài sản, bên nợ, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến khoản nợ, tài sản trong quá trình DATC thực hiện tiếp nhận, mua nợ, tài sản và dự án dở dang theo chỉ định của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu bên nợ, bên giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ có nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm kèm theo đầy đủ giấy tờ, hồ sơ pháp lý của tài sản bảo đảm cho DATC để xử lý theo thỏa

thuận trong hợp đồng bảo đảm hoặc trong văn bản khác và quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.

3. Được cơ quan quản lý nhà nước có liên quan hỗ trợ hoàn tất các thủ tục, hồ sơ pháp lý về tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Được các cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm liên quan đến tài sản bảo đảm của khoản nợ (bao gồm cả quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai) đã được DATC mua, kể cả tài sản bảo đảm của khoản nợ đã mua nhưng chưa được đăng ký giao dịch bảo đảm. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định của pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm.

5. DATC trở thành bên nhận bảo đảm và được thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm dựa trên hợp đồng mua bán nợ mà không phải ký lại hợp đồng bảo đảm với bên bảo đảm. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.

6. Được kế thừa các quyền và nghĩa vụ của chủ nợ, chủ tài sản, bên nhận bảo đảm liên quan đến các khoản nợ, tài sản đã mua theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Nghĩa vụ của DATC

1. Nhận và sử dụng vốn, đất đai và các nguồn lực khác được nhà nước giao để kinh doanh và thực hiện nhiệm vụ do Nhà nước giao theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn, phát triển vốn nhà nước.

2. Thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động và các quy định khác của pháp luật.

4. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán và báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, báo cáo định kỳ theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu; chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo.

5. Tổ chức quản lý, kiểm soát, điều hành nhằm sử dụng có hiệu quả vốn, các nguồn lực được Nhà nước giao và các nguồn lực khác trong hoạt động của Công ty.

6. Công bố, công khai thông tin tài chính và các thông tin khác về hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật về công bố thông tin của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

7. Cung cấp cho khách hàng thông tin có liên quan đến hoạt động mua, bán các khoản nợ, tài sản do Công ty thực hiện theo yêu cầu của khách hàng và phù hợp với quy tắc bí mật kinh doanh của Công ty.

8. Chịu sự giám sát của Nhà nước trong thực hiện các quy định về thang lương, bảng lương, phụ cấp lương; Quỹ tiền lương, thù lao, Quỹ tiền thưởng; chế độ trả tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người lao động, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác.

9. Chịu sự giám sát của cơ quan đại diện chủ sở hữu; tuân thủ các quy định về thanh tra, kiểm tra của cơ quan tài chính và của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và được Nhà nước giao.

Chương II

HOẠT ĐỘNG CỦA DATC

Mục 1. TIẾP NHẬN NỢ VÀ TÀI SẢN

Điều 11. Tiếp nhận nợ và tài sản theo quy định của pháp luật về chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, đơn vị sự nghiệp công lập

1. Các khoản nợ và tài sản bàn giao, tiếp nhận phải đảm bảo có đủ hồ sơ, có hiện vật (đối với tài sản). Trường hợp nợ và tài sản không có đủ hồ sơ, không còn hiện vật thì DATC có văn bản gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu và doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thông báo lý do không tiếp nhận để doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập tiếp tục quản lý, theo dõi hoặc xử lý theo quy định của pháp luật về chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Việc bàn giao, tiếp nhận nợ và tài sản được thực hiện theo quy định pháp luật về chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 12. Tiếp nhận nợ và tài sản theo chỉ định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

1. Tiếp nhận nợ phải thu và tài sản:

DATC, cơ quan đại diện chủ sở hữu và tổ chức có nợ và tài sản bàn giao thực hiện bàn giao, tiếp nhận để xử lý nợ phải thu, tài sản như đối với nợ, tài sản loại trừ khỏi giá trị doanh nghiệp, chuyển đổi sở hữu và phù hợp với văn bản chỉ định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Tiếp nhận các tài sản khác:

a) DATC thực hiện tiếp nhận các tài sản khác theo chỉ định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để tiếp tục đầu tư, khai thác hoặc xử lý thu hồi vốn cho Nhà nước;

b) Đối tượng, điều kiện tiếp nhận, bàn giao theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Mục 2. MUA NỢ VÀ TÀI SẢN

Điều 13. Mua nợ và tài sản

1. DATC mua, xử lý nợ và tài sản theo nhiệm vụ, phương án được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ định.

2. DATC được mua các khoản nợ trong nước và nước ngoài (bao gồm cả trái phiếu, hối phiếu, công cụ nợ khác do các tổ chức, cá nhân đang nắm giữ, kể cả hối phiếu, trái phiếu do chính DATC phát hành) và tài sản (bao gồm cả quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai là tài sản bảo đảm của khoản nợ) của các tổ chức và cá nhân.

3. Các khoản nợ phải thu phát sinh từ nghiệp vụ mua nợ của DATC là một loại hàng hóa và được quản lý, theo dõi từng khoản nợ mua.

Điều 14. Hình thức mua nợ, tài sản

1. Mua theo chỉ định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.
2. Thỏa thuận trực tiếp với chủ nợ, chủ tài sản.
3. Tham gia đấu thầu, đấu giá mua nợ và tài sản.

Điều 15. Nguyên tắc mua nợ và tài sản

1. Đối với hoạt động mua nợ và tài sản theo chỉ định:

a) DATC có trách nhiệm xây dựng phương án mua nợ, mua tài sản (bao gồm cả dự án cần hỗ trợ xử lý nợ) đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật và văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để thực hiện. DATC sử dụng nguồn vốn kinh doanh hoặc nguồn vốn do nhà nước cấp theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để thực hiện phương án mua nợ, tài sản theo chỉ định. Trong đó:

- Các khoản nợ, tài sản mua theo chỉ định là các khoản nợ, tài sản của các doanh nghiệp gắn với việc cơ cấu lại doanh nghiệp theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phù hợp với thẩm quyền quy định;

- Nội dung chỉ định bao gồm: đối tượng mua nợ, tài sản; giá mua nợ, tài sản; các biện pháp hỗ trợ xử lý tài chính, xử lý tài sản (nếu cần);

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp có nợ và tài sản có trách nhiệm phối hợp với DATC và các cơ quan liên quan báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định các nội dung chỉ định sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính.

b) Các chủ nợ, chủ tài sản và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp với DATC để triển khai phương án đã xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Đối với hoạt động mua nợ, tài sản để kinh doanh:

a) Phương án mua nợ, tài sản phải có hiệu quả, có phương án thu hồi vốn khả thi, bảo toàn và phát triển vốn. Giá mua nợ, tài sản do DATC xác định trên nguyên tắc đảm bảo khả năng sinh lời của phương án mua nợ, tài sản;

b) Nợ và tài sản được mua phải có hồ sơ chứng minh quyền chủ nợ, quyền chủ sở hữu tài sản;

c) Việc mua nợ, tài sản chỉ thực hiện khi có phương án được phê duyệt theo phân cấp thẩm quyền quy định và có thể thực hiện cho từng khoản nợ, tài sản hay theo nhóm gồm nhiều khoản nợ, tài sản khác nhau của cùng một chủ nợ, chủ tài sản hoặc của nhiều chủ nợ, chủ tài sản;

d) DATC không được sử dụng vốn huy động từ các tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định này để mua lại nợ của chính các tổ chức, cá nhân đó.

Mục 3. XỬ LÝ NỢ MUA, TIẾP NHẬN

Điều 16. Hình thức xử lý nợ mua, tiếp nhận

1. Thu hồi nợ trực tiếp từ bên nợ và các bên có liên quan bằng tiền, tài sản, các công cụ nợ (trái phiếu, hối phiếu).
2. Quản lý, đầu tư, khai thác, xử lý tài sản bảo đảm (bao gồm cả tài sản nhận gán nợ) để thu hồi nợ.
3. Bán nợ theo các phương thức: đấu giá hoặc chào giá cạnh tranh, thỏa thuận trực tiếp với các tổ chức, cá nhân (không bao gồm bên nợ). DATC thực hiện bán nợ theo phương thức thỏa thuận trực tiếp với bên mua khi đáp ứng một trong những trường hợp sau:
 - a) Sau khi đã bán nợ theo phương thức đấu giá công khai hoặc chào giá cạnh tranh nhưng không thành công;
 - b) Trước khi DATC ký hợp đồng mua nợ đã có khách hàng cam kết mua lại từ 51% trở lên hoặc toàn bộ khoản nợ đó, đồng thời đáp ứng được các điều kiện của DATC về giá cả, thanh toán và đặt cọc, khả năng tham gia tái cơ cấu doanh nghiệp hoặc hỗ trợ doanh nghiệp ổn định sau tái cơ cấu.
4. Nhận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ từ bên nợ sang bên thứ ba.
5. Ủy thác thu hồi nợ hoặc thu hồi nợ thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ đòi nợ hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
6. Chuyển nợ thành vốn góp tại doanh nghiệp.
7. Cơ cấu lại nợ theo các hình thức: điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ, khoan nợ, điều chỉnh lãi suất khoản nợ.
8. Giám trừ một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ.
9. Thu nợ có chiết khấu.
10. Các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật và quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 17. Nội dung xử lý nợ mua, tiếp nhận

1. Xử lý nợ mua:
 - a) Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, khoan nợ, gia hạn nợ và điều chỉnh lãi suất khoản nợ phù hợp với khả năng của bên nợ và điều kiện thị trường;
 - b) Giám trừ nghĩa vụ trả nợ lãi và một phần nợ gốc cho bên nợ nhưng phải đảm bảo phương án mua nợ có hiệu quả;
 - c) Thỏa thuận với bên nợ và các bên có liên quan để thu nợ bằng tài sản (bao gồm cả: quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai; dự án, kể cả dự án bất động sản). Tài sản thu nợ phải được định giá thông qua tổ chức có chức năng thẩm định giá và đảm bảo có đủ hồ sơ, điều kiện để thực hiện chuyển giao quyền sở hữu giữa các bên theo quy định của pháp luật;

d) Thỏa thuận với bên nợ và bên thứ ba để thực hiện quyền chuyển giao nghĩa vụ trả nợ sang bên thứ ba trên nguyên tắc đảm bảo thuận lợi hơn cho DATC trong việc xử lý nợ và thu hồi nợ;

đ) Thỏa thuận với chủ sở hữu doanh nghiệp về việc chuyển nợ thành vốn góp để tham gia tái cơ cấu doanh nghiệp theo quy định tại Mục 5 Chương II Nghị định này;

e) Việc xử lý tài sản bảo đảm khoản nợ thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định tại Nghị định này.

2. Xử lý nợ tiếp nhận:

a) Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, khoan nợ, gia hạn nợ và điều chỉnh lãi suất khoản nợ phù hợp với khả năng của bên nợ và điều kiện thị trường;

b) Giảm trừ nghĩa vụ trả nợ lãi và sử dụng một phần phí được hưởng theo quy định để giảm trừ một phần nghĩa vụ trả nợ gốc nhằm khuyến khích bên nợ trả nợ sớm;

c) Thỏa thuận với bên nợ và các bên có liên quan để thu nợ bằng tài sản (bao gồm cả: quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai; dự án, kể cả dự án bất động sản). Tài sản thu nợ phải được định giá thông qua tổ chức có chức năng thẩm định giá và đảm bảo có đủ hồ sơ, điều kiện để thực hiện chuyển giao quyền sở hữu giữa các bên theo quy định của pháp luật;

d) Thỏa thuận với bên nợ và bên thứ ba để thực hiện chuyển giao nghĩa vụ trả nợ sang bên thứ ba trên nguyên tắc đảm bảo thuận lợi hơn cho DATC trong việc xử lý và thu hồi nợ;

đ) Thỏa thuận với chủ sở hữu doanh nghiệp nợ về việc chuyển nợ thành vốn góp để tham gia tái cơ cấu doanh nghiệp bên nợ theo quy định tại Mục 5 Chương II Nghị định này;

e) Việc xử lý tài sản bảo đảm khoản nợ thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định tại Nghị định này;

g) Đối với các khoản nợ được xác định là không có khả năng thu hồi theo quy định (bao gồm cả nợ xử lý trước thời điểm bàn giao) đã được DATC theo dõi ngoài bảng cân đối kế toán từ 10 năm trở lên (tính cả thời gian doanh nghiệp theo dõi ngoài bảng trước khi chuyển giao cho DATC nếu có), DATC quyết định loại trừ, không tiếp tục theo dõi trên sổ sách kế toán sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính. DATC chịu trách nhiệm về việc loại trừ, không tiếp tục theo dõi các khoản nợ nêu trên.

3. Mức giá bán nợ lần đầu theo các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định này phải căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá còn hiệu lực theo quy định của pháp luật về thẩm định giá.

4. Đối với nợ tiếp nhận và nợ mua theo chỉ định, DATC căn cứ phương án mua, bán, xử lý nợ được chỉ định được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có) và các hình thức, nội dung xử lý nợ quy định tại Nghị định này để xử lý.

Mục 4. XỬ LÝ TÀI SẢN MUA, TIẾP NHẬN

Điều 18. Hình thức xử lý tài sản mua, tiếp nhận

1. Chuyển nhượng tài sản (bao gồm cả dự án đã mua, tiếp nhận theo chỉ định).
2. Dùng tài sản (bao gồm cả tài sản là mua, tiếp nhận theo chỉ định) để hợp tác kinh doanh, góp vốn cổ phần, liên doanh, liên kết.
3. Quản lý, đầu tư để khai thác, bán, cho thuê tài sản (bao gồm cả dự án đã mua, tiếp nhận theo chỉ định).

Điều 19. Nguyên tắc xử lý tài sản mua, tiếp nhận

1. Tài sản phải được đánh giá lại giá trị thông qua tổ chức tư vấn có chức năng thẩm định giá theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp và làm cơ sở để xử lý theo quy định tại Điều 18 Nghị định này. Trường hợp sử dụng tài sản, dự án để hợp tác kinh doanh, góp vốn cổ phần, liên doanh, liên kết thì giá trị góp vốn thực hiện theo nguyên tắc đồng thuận giữa các bên nhưng không thấp hơn giá trị được tổ chức tư vấn định giá lại.
2. Tổ chức bán đấu giá công khai, chào giá cạnh tranh hoặc thỏa thuận trực tiếp theo đúng quy định của pháp luật.
3. Đối với tài sản tiếp nhận được DATC sử dụng vào mục đích kinh doanh thì DATC nộp tiền về ngân sách nhà nước theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp tương ứng với giá trị tài sản định giá lại sau khi trừ (-) đi chi phí chuyển trả cho doanh nghiệp giữ hộ tài sản trước khi bàn giao cho DATC và các chi phí liên quan đến việc DATC tiếp nhận, định giá tài sản.
4. Đối với tài sản mua, tiếp nhận theo chỉ định, DATC căn cứ vào phương án mua, bán, xử lý tài sản chỉ định đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có) và các hình thức, nguyên tắc xử lý tài sản quy định tại Điều 18 và khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 19 Nghị định này để xử lý.

Trường hợp DATC tiếp nhận tài sản theo chỉ định để xử lý, thu hồi cho Nhà nước thì được hưởng phí xử lý tài sản theo hướng dẫn của Bộ Tài chính trên nguyên tắc bù đắp đủ chi phí xử lý tài sản cộng (+) một phần chi phí quản lý.

Mục 5. TÁI CƠ CẤU DOANH NGHIỆP

Điều 20. Đối tượng và điều kiện tái cơ cấu

1. Đối tượng tái cơ cấu:
 - a) Các doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa sau khi xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định mà giá trị thực tế của doanh nghiệp thấp hơn các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp;
 - b) Các doanh nghiệp khác là bên nợ của DATC gắn với phương án xử lý thu hồi nợ.
2. Điều kiện tái cơ cấu:

- a) Doanh nghiệp được đánh giá có khả năng phục hồi và phát triển sau khi DATC tham gia xử lý nợ, tái cơ cấu;
- b) DATC có đủ nguồn chênh lệch giữa giá vốn mua nợ và giá trị sổ sách của khoản nợ để xử lý các tồn tại tài chính và thực hiện các giải pháp phục hồi doanh nghiệp tái cơ cấu;
- c) Phương án tái cơ cấu có tính khả thi, có hiệu quả kinh tế và được sự đồng thuận của cơ quan đại diện chủ sở hữu doanh nghiệp tái cơ cấu.

Điều 21. Xử lý tài chính đối với doanh nghiệp tái cơ cấu

1. Nguyên tắc xử lý tài chính:

- a) Việc xử lý tài chính đối với doanh nghiệp tái cơ cấu phải gắn với phương án tái cơ cấu đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt. Việc giảm trừ nghĩa vụ trả nợ phải gắn liền với việc DATC chuyển nợ, tài sản thành vốn góp tại doanh nghiệp và không làm thay đổi trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đã gây ra tổn thất tài chính trước đây;
- b) Đảm bảo công khai, minh bạch và chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

2. Nội dung xử lý tài chính:

a) Đối với doanh nghiệp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định này:

- DATC xem xét, giảm trừ một phần nghĩa vụ trả nợ gắn với phương án tái cơ cấu đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt. Mức giảm trừ nghĩa vụ trả nợ tối đa bằng số âm vốn chủ sở hữu được căn cứ theo Quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu về xác định giá trị doanh nghiệp trừ đi phần giảm trừ nghĩa vụ trả nợ của các chủ nợ khác (nếu có) và không vượt quá số chênh lệch giữa giá trị sổ sách khoản nợ mua và giá vốn mua nợ tính đến thời điểm quyết định giảm trừ nghĩa vụ trả nợ;

- Các chủ nợ khác quyết định giảm trừ nghĩa vụ trả nợ cho doanh nghiệp tái cơ cấu theo thỏa thuận giữa các bên;

- Từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, nếu doanh nghiệp tái cơ cấu có phát sinh lỗ, cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo doanh nghiệp tái cơ cấu làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan để có biện pháp khắc phục, bồi thường theo quy định, số lỗ còn lại được DATC và các chủ nợ tham gia tái cơ cấu xem xét, thực hiện tiếp việc giảm trừ một phần nghĩa vụ trả nợ nếu còn nguồn chênh lệch giữa giá vốn mua nợ và giá trị sổ sách khoản nợ.

b) Đối với doanh nghiệp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 Nghị định này:

DATC giảm trừ một phần nghĩa vụ trả nợ cho doanh nghiệp nợ trên cơ sở đảm bảo thực hiện đầy đủ các cam kết đã thống nhất giữa các bên. Mức giảm trừ tối đa không quá số lỗ lũy kết trên báo cáo tài chính gần nhất của doanh nghiệp đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không vượt quá số chênh lệch giữa giá trị sổ sách khoản nợ mua và giá vốn mua nợ tính đến thời điểm quyết định giảm trừ nghĩa vụ trả nợ.

Điều 22. Các biện pháp khác để phục hồi doanh nghiệp tái cơ cấu

Doanh nghiệp tái cơ cấu do DATC nắm giữ trên 50% vốn điều lệ có phương án sản xuất kinh doanh, phương án sử dụng vốn khả thi (bao gồm cả nguồn trả nợ) và hiệu quả thì được DATC xem xét hỗ trợ các biện pháp sau đây:

1. Cung cấp tài chính từ nguồn vốn kinh doanh của DATC theo các nguyên tắc sau:

- a) DATC quyết định và chịu trách nhiệm về việc cung cấp tài chính cho doanh nghiệp tái cơ cấu, trên cơ sở phương án thu hồi vốn hiệu quả và khả thi;
- b) Không cung cấp tài chính đối với các doanh nghiệp tái cơ cấu mà DATC đã có kế hoạch chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của DATC trong năm tài chính. Đối với doanh nghiệp tái cơ cấu đã được DATC cung cấp tài chính, trường hợp DATC có kế hoạch chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của DATC tại doanh nghiệp thì phải có phương án thu hồi khả thi khoản cung cấp tài chính trước khi chuyển nhượng vốn góp;
- c) Doanh nghiệp tái cơ cấu phải sử dụng đúng mục đích khoản cung cấp tài chính của DATC, không được sử dụng khoản cung cấp tài chính của DATC để trả nợ cho chính DATC;
- d) DATC thông qua Người đại diện để thực hiện giám sát doanh nghiệp tái cơ cấu trong việc sử dụng khoản cung cấp tài chính của DATC theo đúng phương án sử dụng vốn.

2. Bảo lãnh vay vốn tại các tổ chức tín dụng:

DATC thực hiện bảo lãnh theo nguyên tắc quy định tại khoản 4 Điều 23 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. Việc bảo lãnh vay vốn để thực hiện dự án đầu tư phải trên cơ sở thẩm định hiệu quả của dự án đầu tư và phải có cam kết trả nợ đúng hạn đối với khoản vay được bảo lãnh.

Điều 23. Xử lý thu hồi vốn hình thành từ hoạt động chuyển nợ thành vốn góp

1. Chuyển nhượng vốn hình thành từ hoạt động chuyển nợ thành vốn góp:

- a) DATC thực hiện chuyển nhượng vốn theo hình thức đấu giá công khai (đấu giá thông thường hoặc đấu giá theo lô). Trường hợp đấu giá công khai không thành công hoặc không chuyển nhượng hết số cổ phần đấu giá thì thực hiện theo hình thức chào bán cạnh tranh. DATC thực hiện chuyển nhượng vốn theo hình thức thỏa thuận trực tiếp trong trường hợp sau khi chào bán cạnh tranh không thành công hoặc không chuyển nhượng hết số cổ phần của cuộc chào bán cạnh tranh;
- b) Đối với chuyển nhượng vốn tại công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch/niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán, ngoài các phương thức quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, DATC được thực hiện các phương thức chuyển nhượng theo Quy chế giao dịch của Sàn giao dịch chứng khoán;
- c) Trường hợp thực hiện các phương thức chuyển nhượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, giá chuyển nhượng lần đầu được xác định trên cơ sở Chứng thư thẩm định giá còn hiệu lực do tổ chức có chức năng thẩm định giá cung cấp theo quy định pháp luật thẩm định giá;

d) Trường hợp chuyển nhượng không thành công hoặc chuyển nhượng không hết số cổ phần chào bán thì DATC được điều chỉnh giá chào bán để tiếp tục chuyển nhượng trong các lần bán tiếp theo. Mức giảm giá tối đa không quá 10% so với giá chào bán lần trước liền kề trong thời hạn Chứng thư thẩm định giá còn hiệu lực.

2. Chuyển nhượng vốn kèm nợ phải thu:

DATC được chuyển nhượng vốn kèm nợ phải thu tại các doanh nghiệp đồng thời có vốn góp và nợ phải thu của DATC theo các phương thức quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó:

- a) Toàn bộ phần vốn chào bán và khoản nợ phải thu kèm theo được xác định là một lô. Nhà đầu tư tham gia phải mua cả lô kèm nợ phải thu chào bán. Doanh nghiệp có vốn và nợ phải thu của DATC không được tham gia mua vốn kèm nợ phải thu của chính doanh nghiệp đó;
- b) DATC quyết định giá chuyển nhượng lần đầu lô vốn góp kèm nợ phải thu nhưng không thấp hơn giá của phần vốn góp chào bán cộng với giá khoản nợ phải thu do tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định;
- c) Trường hợp chuyển nhượng không thành công, DATC thực hiện điều chỉnh giá chuyển nhượng theo nguyên tắc quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

3. DATC quyết định chuyển nhượng vốn, vốn kèm nợ phải thu theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Mục 6. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Điều 24. Nguyên tắc đầu tư

1. Thực hiện đầu tư, quản lý vốn đầu tư theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, bảo đảm hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước.
2. Phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của DATC đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
3. Được chủ động sử dụng nguồn vốn kinh doanh để thực hiện đầu tư theo quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 25. Hình thức đầu tư

1. Hình thức đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:
 - a) Góp vốn để thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn; góp vốn thông qua hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân mới theo quy định của pháp luật;
 - b) Mua cổ phần tại công ty cổ phần, mua phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh theo quy định của pháp luật;
 - c) Mua toàn bộ doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật;
 - d) Mua công trái, trái phiếu, hối phiếu, các công cụ nợ khác (không bao gồm việc mua lại trái phiếu, hối phiếu do DATC phát hành để thực hiện nhiệm vụ theo chỉ định của các cấp có thẩm quyền).
2. Các hình thức đầu tư không xác định là đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

- a) Hoạt động đầu tư mua cổ phiếu (bao gồm cả mua cổ phiếu gắn với phương án mua nợ để tái cơ cấu doanh nghiệp), trái phiếu chuyển đổi, quyền mua được phân chia theo số lượng cổ phiếu đang nắm giữ tại các công ty cổ phần do DATC thực hiện tái cơ cấu;
- b) Đầu tư, nâng cấp tài sản tiếp nhận, tài sản bảo đảm, tài sản nhận thay thế nghĩa vụ trả nợ (bao gồm cả quyền sử dụng đất; tài sản gắn liền với đất; tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai) để khai thác, cho thuê;
- c) Sử dụng nợ, tài sản đã mua để hợp tác kinh doanh, góp vốn tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh; liên doanh, liên kết bằng tài sản đã mua với các tổ chức kinh tế, cá nhân.

Điều 26. Chuyển nhượng vốn đầu tư

DATC thực hiện chuyển nhượng vốn đầu tư theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, đảm bảo công khai, minh bạch.

**Chương III
TÀI CHÍNH CỦA DATC**

Điều 27. Vốn hoạt động của DATC

1. Vốn chủ sở hữu, bao gồm:
 - a) Vốn điều lệ của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - b) Vốn tự tích lũy từ hoạt động kinh doanh được bổ sung vào nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu;
 - c) Các nguồn vốn chủ sở hữu khác theo quy định của pháp luật.
2. Vốn huy động bằng các hình thức vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính; vay của tổ chức, cá nhân ngoài doanh nghiệp, của người lao động; phát hành trái phiếu doanh nghiệp và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Doanh thu, thu nhập khác và chi phí

1. Doanh thu và thu nhập khác của DATC bao gồm:
 - a) Doanh thu từ hoạt động xử lý nợ và tài sản tiếp nhận;
 - b) Doanh thu từ hoạt động xử lý nợ và tài sản đã mua;
 - c) Doanh thu từ hoạt động tài chính;
 - d) Thu nhập khác.
2. Chi phí của DATC bao gồm:
 - a) Chi phí hoạt động tiếp nhận nợ và tài sản;
 - b) Chi phí từ hoạt động mua nợ và tài sản;
 - c) Chi phí hoạt động tài chính;
 - d) Chi phí hoạt động quản lý của công ty;
 - đ) Các khoản chi phí khác theo quy định của pháp luật.
3. DATC thực hiện trích lập và sử dụng các khoản dự phòng theo quy định đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Đối với các khoản nợ phát sinh từ hoạt động

mua, bán, xử lý nợ, tái cơ cấu doanh nghiệp, DATC trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Bộ Tài chính trên cơ sở các nguyên tắc sau:

- a) Thời gian quá hạn và giá trị quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời điểm chuyển giao quyền chủ nợ cho DATC hoặc theo cam kết trả nợ gần nhất của bên nợ phù hợp với phương án xử lý nợ mua;
 - b) DATC quyết định mức trích lập dự phòng hàng năm nhưng phải đảm bảo việc trích đủ 100% giá mua nợ còn lại trong thời gian không quá 5 năm.
4. Việc xác định doanh thu, chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

Điều 29. Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận

1. Lợi nhuận thực hiện trong năm là kết quả kinh doanh của Công ty, bao gồm lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính và từ các hoạt động khác. Lợi nhuận của Công ty được xác định là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu trừ đi chi phí theo quy định của pháp luật và quy định tại Nghị định này.
2. DATC thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các Quỹ theo quy định đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 30. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người lao động và người quản lý doanh nghiệp

1. Cơ chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người lao động và người quản lý doanh nghiệp của DATC thực hiện theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và phù hợp với đặc thù hoạt động của DATC.
2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các bộ, người liên quan hướng dẫn cơ chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người lao động và người quản lý doanh nghiệp phù hợp với đặc thù hoạt động của DATC sau khi thống nhất với Bộ Tài chính.

Điều 31. Đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại doanh nghiệp và giám sát tài chính

Việc đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại doanh nghiệp và giám sát tài chính của DATC thực hiện theo quy định đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và đặc thù hoạt động của DATC theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Chế độ kế toán, kiểm toán; báo cáo thống kê, kế toán, tài chính và công khai tài chính

1. DATC thực hiện chế độ kế toán theo quy định hiện hành và hướng dẫn của Bộ Tài chính; thực hiện chế độ kiểm toán, báo cáo thống kê, kế toán, tài chính và công khai thông tin theo quy định đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.
2. DATC không hợp nhất báo cáo tài chính của các doanh nghiệp do DATC nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thông qua hoạt động mua, bán, xử lý nợ, tái cơ cấu.

Chương IV

QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ SỞ HỮU

Điều 33. Quyền và trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Quyết định tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu và sắp xếp lại DATC sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
2. Thực hiện quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với DATC tại các điểm b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l khoản 2 Điều 42 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và Mục 2 Chương II Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước.

Điều 34. Quyền và trách nhiệm của Hội đồng thành viên DATC

1. Hội đồng thành viên DATC thực hiện các quyền và trách nhiệm theo quy định của pháp luật, phân công của chủ sở hữu nhà nước và Điều lệ tổ chức và hoạt động của DATC.
2. Ban hành Quy chế kiểm soát rủi ro đối với hoạt động kinh doanh mua, bán nợ, tài sản và hoạt động cung cấp tài chính, bảo lãnh vay vốn đối với các doanh nghiệp tái cơ cấu theo quy định tại Mục 5 Chương II Nghị định này.

Chương V

TRÁCH NHIỆM THI HÀNH

Điều 35. Quan hệ của DATC với các bộ, ngành, địa phương

1. Các bộ, ngành liên quan thực hiện quản lý nhà nước đối với DATC theo chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện quản lý nhà nước đối với DATC trong việc chấp hành các quy định quản lý hành chính trên địa bàn theo quy định của pháp luật.
3. Các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện:
 - a) Rà soát, phối hợp với DATC trong việc thực hiện xử lý nợ, tái cơ cấu các doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này;
 - b) Hỗ trợ DATC hoàn thiện các thủ tục, hồ sơ để đăng ký thế chấp tài sản bảo đảm của khoản nợ đã mua, chuyển quyền tài sản bảo đảm cho người mua;
 - c) Phối hợp thực hiện thủ tục đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng tài sản theo đề nghị của DATC;
 - d) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc hoàn thiện thủ tục, hồ sơ pháp lý của tài sản bảo đảm và xử lý tài sản bảo đảm, thu hồi nợ theo đề nghị của DATC.

Điều 36. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2020 và bãi bỏ các nội dung quy định về chức năng, nhiệm vụ, cơ chế hoạt động của DATC tại Quyết định số

109/2003/QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Hội đồng thành viên DATC chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn kinh tế và Tổng công ty Nhà nước;
- BCD Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).

Nguyễn Xuân Phúc